



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 162/QĐ-ĐHNB ngày 14 tháng 02 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

Tên chương trình	: Tài chính – Ngân hàng
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Tài chính – Ngân hàng
Tên tiếng Anh	: Finance - Banking
Mã số	: 7340201
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Danh hiệu tốt nghiệp	: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hoạch định và quản lý tài chính – tiền tệ, kỹ năng hoạt động trung gian tài chính, thị trường tài chính và các nghiệp vụ tổ chức – quản lý ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự đào tạo bổ sung ... đồng thời có khả năng sử dụng tiếng Anh trong công tác chuyên môn.

2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân theo đặt hàng của doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng ở cấp độ nâng cao và chuyên sâu hơn so với chương trình đào tạo chuẩn, bao gồm năng lực tác nghiệp, phân tích và hoạch định, ra quyết định cũng như tổ chức thực hiện các dự án, nghiên cứu chính sách, các nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng, quản lý tài chính của doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có liên quan đến lĩnh vực tài chính- ngân hàng. Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực chuyên môn của bản thân.

Chương trình đào tạo theo tín chỉ định hướng ứng dụng gồm 2 phần:

Phần 1: Chương trình chuẩn đào tạo cử nhân ở cấp độ nâng cao chuyên sâu, chú trọng đào tạo kỹ năng theo định hướng ứng dụng: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản: Tin học cơ sở theo chuẩn quốc tế, Tiếng Anh giao tiếp, kỹ năng mềm, các kiến thức cơ bản về kế toán, thống kê, phân tích, thẩm định, dự báo đầu tư tài chính và nghiệp vụ,

quản trị ngân hàng, thanh toán, tín dụng... kiến thức có tính hiện đại thích ứng với nền kinh tế hội nhập quốc tế. Phần chương trình này thực hiện trong 3 năm đầu của khóa học.

Phần 2: Các nội dung kiến tập, thực tập, kỹ năng thực hành, khóa luận tốt nghiệp và trải nghiệm các kiến thức nghề nghiệp tại môi trường làm việc thực tế (tại Doanh nghiệp). Phần chương trình này thực hiện trong năm thứ 4 (năm cuối của khóa học), tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành năm cuối là các chuyên gia của ngành tài chính ngân hàng.

Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình cử nhân (tốt nghiệp) theo đặt hàng doanh nghiệp, đặc biệt chương trình thực hành (trải nghiệm) nghề nghiệp năm cuối trong môi trường làm việc thực tế (tại Ngân hàng, Doanh nghiệp), sinh viên tốt nghiệp có cơ hội việc làm rất cao tại Ngân hàng, Doanh nghiệp đối tác chiến lược của Trường Đại học Hòa Bình và các Ngân hàng, Doanh nghiệp khác.

II. CHUẨN ĐẦU RA

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- Kiến thức về lý luận chính trị: Hiểu và vận dụng hệ thống tri thức khoa học có tính hệ thống về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và vận dụng trong công việc, trong cuộc sống.

- Kiến thức về tin học: Sử dụng thành thạo và khai thác được các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng; Khai thác được các kiến thức cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, các kỹ năng sử dụng một hệ quản trị dữ liệu cụ thể; Biết cách khai thác được các cơ sở dữ liệu của Việt Nam và thế giới.

- Kiến thức về ngoại ngữ: Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với chủ đề khác nhau; vận dụng tiếng Anh học thuật trong công việc.

- Kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật vào những hoạt động xã hội, áp dụng những kiến thức đã được học để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật trong thực hiện công việc và trong cuộc sống.

- Hiểu được nội dung cơ bản về giáo dục quốc phòng an ninh và rèn luyện thể chất, thể dục thể thao vào quá trình đào tạo đại học.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng các kiến thức toán cao cấp, thống kê toán trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo;

- Xây dựng và phân tích được các bài toán kinh tế lượng đơn giản trong lĩnh vực ngành đào tạo;

- Sử dụng được các phần mềm thông kê cơ bản để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế xã hội và áp dụng vào nghiên cứu khoa học.

1.3. Kiến thức theo khối ngành

- Vận dụng được những kiến thức của nguyên lý kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp và giải thích, đánh giá được các vấn đề kinh tế.

- Vận dụng kiến thức thông kê kinh tế trong phương pháp thu thập thông tin, xử lý, phân tích và tổng hợp dữ liệu thông kê kinh tế.

- Vận dụng phương pháp toán kinh tế để phân tích, đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế nói chung và trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng.

- Lựa chọn và vận dụng các kỹ năng mềm, phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả.

1.4. Kiến thức theo nhóm ngành

- Hiểu và áp dụng được các nguyên lý cơ bản tài chính, tiền tệ, nguyên tắc kế toán để xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, lập và mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp;

- Hiểu và áp dụng được các phương pháp phân tích kinh tế, phân tích tài chính có khả năng vận dụng kiến thức nâng cao vào việc xử lý bài tập tình huống thực tiễn, phân tích, mô tả và lập các báo cáo kinh tế, phân tích tài chính kế toán trong doanh nghiệp.

- Vận dụng được các nguyên tắc marketing vào quá trình xúc tiến khách hàng, tìm kiếm thị trường tiếp cận đến cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế.

1.5. Kiến thức ngành

- Hiểu, phân tích hoạt động của hệ thống ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong nền kinh tế và xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, trang bị phương pháp phân tích thị trường tài chính, hình thành tư duy thực tiễn về vấn đề sử dụng vốn tài chính có hiệu quả ở môi trường trong nước và quốc tế

- Hiểu, phân tích ứng dụng các kiến thức liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng để luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng.

- Hiểu, phân tích, ứng dụng kiến thức ngành tài chính-ngân hàng để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các phương án, dự án đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng.

- Ứng dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng để hội nhập nhanh với môi trường công việc trong tương lai. Đặc biệt là khả năng lập luận và tư duy, khả năng nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng khác để khám phá và ứng dụng kiến thức về tài chính – ngân hàng trong hoạt động kinh tế - xã hội.

- Có khả năng nghiên cứu và tiếp cận đến các tài liệu bắt buộc đạt chuẩn quốc tế, hỗ trợ việc học tập, nghiên cứu, thực tập ở các bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục quốc tế ở trong và ngoài nước.

- Có năng lực kiểm chứng các kiến thức được học thông qua các chương trình thực tập, thực tiễn tại doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính và tổ chức xã hội khác để từ đó tự định hướng được mục tiêu và lộ trình phát triển nghề nghiệp của bản thân.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

**** Kỹ năng nghề nghiệp:***

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.

- Có năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng một cách sáng tạo, đặc biệt ứng dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh tài chính-ngân hàng; có cách tiếp cận sáng tạo về phát triển nghề nghiệp;

**** Kỹ năng phân tích chuyên sâu và giải quyết vấn đề cụ thể trong lĩnh vực TCNH.***

- Biết tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; Có khả năng vận dụng qui trình lập kế hoạch, sắp xếp công việc, quản lý thời gian và nguồn lực.

- Biết phân tích, đánh giá các xu hướng quốc tế hóa hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng ở Việt Nam, quản trị rủi ro trong kinh doanh tài chính ngân hàng, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, quản lý nợ xấu, thẩm định khách hàng trên cơ sở áp dụng hiệu quả các thông lệ tiên tiến của thế giới, tạo nguồn vốn đầu tư cho khu vực doanh nghiệp, quản lý tài chính trong doanh nghiệp ... và đưa ra những hướng giải quyết cụ thể vào các tình huống khá phức tạp và đa dạng của thực tiễn.

2.2. Kỹ năng tư duy khám phá và vận dụng thực tiễn

**** Khả năng tư duy hệ thống, nghiên cứu và khám phá kiến thức***

- Có khả năng lập luận, tư duy một cách sáng tạo theo hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực TCNH.

- Có kỹ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực TCNH như: nghiên cứu, dự báo sự vận động của hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính, tiềm lực

và khả năng quản lý tài chính của khu vực doanh nghiệp trong tương lai và tác động của sự phát triển đó tới hệ thống tài chính nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung v.v...

- Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực TCNH.

- Biết nắm bắt chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển của tổ chức. Có thể nhận thức được bối cảnh tổ chức để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng;

**** Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn***

- Trong quá trình đào tạo khối kiến thức ngành, thực hành, thực tập công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.

- Biết đề xuất các phương pháp mới đưa lại lợi ích cho tổ chức, cộng đồng, xã hội.

3. Chuẩn về thái độ và đạo đức nghề nghiệp

3.1 Năng lực cá nhân bổ trợ và giao tiếp

- Có năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường đa văn hóa.

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong tổ chức

- Các kỹ năng cá nhân: Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân. Làm việc, vận hành, quản lý phát triển theo nhóm, lập kế hoạch, điều phối làm việc trong các nhóm khác nhau để phát huy trí tuệ tập thể đạt hiệu quả.

- Kỹ năng ngoại ngữ: Có trình độ tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành, có thể đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh; soạn thảo được các văn bản thuộc chuyên ngành đào tạo; có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết các vấn đề trong môi trường làm việc.

- Kỹ năng tin học: Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews...), có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng đạt chuẩn theo quy định của Bộ GD & ĐT.

- Có kỹ năng giao tiếp tốt, bao gồm có kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail; và kỹ năng đàm phán; Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ.

3.2. Chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

+ Có phẩm chất đạo đức cá nhân như: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn và ý thức được các phẩm chất cần phải có của sinh viên chất lượng cao.

+ Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa.

+ Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân; có tinh thần cộng đồng, tập thể, có ý thức với môi trường.

4. Những vị trí công tác sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Với những kiến thức cơ bản và nâng cao về chuyên ngành được đào tạo, sau khi tốt nghiệp, các cử nhân tốt nghiệp chương trình đào tạo theo đặt hàng doanh nghiệp trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Hòa Bình – Hà Nội trở thành các cán bộ như: Giao dịch viên; Nhân viên Tư vấn, khách hàng, Nhân viên thẩm định, tín dụng, Nhân viên kế toán, kiểm soát nội bộ ngân hàng, Nhân viên phân tích và tư vấn tài chính, Nghiên cứu viên và giảng viên. Có thể chia thành 3 nhóm công việc chính như sau:

- **Nhóm 1:** Các chuyên viên tài chính, cán bộ tín dụng, cán bộ phân tích tài chính và có thể cân nhắc làm trưởng nhóm, điều hành, quản lý hoạt động tại các ngân hàng, các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, các dự án đầu tư, các quan hệ xuất nhập khẩu ở trong và ngoài nước;

- **Nhóm 2:** Cán bộ chuyên viên tài chính ngân hàng tại các cơ quan quản lý Nhà nước như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Vụ chính sách tiền tệ trực thuộc các Bộ, và các cơ quan trực thuộc Chính phủ, Kho bạc Nhà nước, Kiểm toán nhà nước, đơn vị sự nghiệp từ Trung ương đến địa phương; các doanh nghiệp và các Ban ngành khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

- **Nhóm 3:** Các chuyên viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về tài chính ngân hàng làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai. Sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc các chuyên ngành liên quan.

III. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

- Đào tạo 3 năm đầu theo chương trình cử nhân khối kiến thức lý thuyết và thực hành ngành Tài chính ngân hàng tại Trường Đại học Hòa Bình – Hà Nội

- Năm cuối (năm thứ 4) vận dụng kiến thức vào chương trình thực tập, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp tại các Doanh nghiệp hoặc Ngân hàng.

IV. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ (*không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm, Kiến thức khởi nghiệp*)

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung	34
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành, ngành	25
2.2	Kiến thức ngành	26
a	<i>Bắt buộc</i>	20
b	<i>Tự chọn – Bổ trợ</i>	6
3	Kiến thức chuyên ngành	29
a	<i>Bắt buộc</i>	21
b	<i>Tự chọn – Bổ trợ</i>	8
4	Kiến thức thực tập nghề nghiệp, tốt nghiệp	16
4.1	Thực tập nghề nghiệp 1 và 2	6
4.2	Thực tập nghề nghiệp cuối khoá	5
4.3	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	5
4	Kiến thức không tích lũy	16

V. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Theo quy định của trường.

VI. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 6 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 2 học kỳ thực tập tại cơ sở doanh nghiệp và ngân hàng (học tại Hội sở, chi nhánh, giao dịch của HDBank, các ngân hàng và doanh nghiệp khác)

Cuối khóa sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo học chế tín chỉ, áp dụng Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hòa Bình.

2. Công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi tích lũy đủ các tiêu chuẩn theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hòa Bình.

VII. THANG ĐIỂM: Thang điểm 10 và quy đổi theo hệ A, B, C, D, E, F.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 – 10,0	A+	4
	8,5 – 8,9	A	3,7
	8,0 – 8,4	B+	3,5
	7,0 – 7,9	B	3,0
	6,5 – 6,9	C+	2,5
	5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D+	1,5
	4,0 – 4,9	D	1,0
Không đạt	0,0 – 3,9	F	0

VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Chia ra (số tiết)				ĐK tiên quyết (stt)
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	Thảo luận	
	8.1	Kiến thức đại cương	34					
		<i>Lý luận chính trị</i>	10					
1	13.1.01	Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1	2	21	3	3	3	
2	13.1.02	Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	3	30	5	5	5	1
3	13.1.03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2
4	13.1.04	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3					2
		<i>Khoa học xã hội</i>	5					
5	13.1.05	Pháp luật đại cương	2	21	3	3	3	1
6	13.1.06	Xã hội học đại cương	3	30	5	5	5	1
		<i>Khoa học tự nhiên</i>	6					
7	13.1.07	Toán cao cấp	3	30	5	5	5	
8	13.1.08	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30	5	5	5	7
		<i>Tin học</i>	4					
9	13.1.09	Tin học đại cương	4	40	10	5	5	7
		<i>Ngoại ngữ</i>	9					

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Chia ra (số tiết)				ĐK tiên quyết (stt)
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	Thảo luận	
10	13.1.10	Tiếng Anh 1	3	27	8	5	5	
11	13.1.11	Tiếng Anh 2	3	27	8	5	5	10
12	13.1.12	Tiếng Anh 3	3	27	8	5	5	11
	8.2	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP	80					
	8.2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành, ngành	25					
13	13.13.01	Pháp luật kinh tế	2	21	3	3	3	5
14	13.13.02	Kinh tế vi mô	3	30	5	5	5	2
15	13.13.03	Kinh tế vĩ mô	3	30	5	5	5	14
16	13.13.04	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	30	5	5	5	14
17	13.13.05	Kinh tế lượng	3	30	5	5	5	14
18	13.13.06	Nguyên lý kế toán	3	30	5	5	5	14
19	13.13.07	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	5	5	5	14
20	13.13.08	Quản trị học	2	21	3	3	3	14
21	13.13.09	Kiểm toán căn bản	3	30	5	5	5	18
	8.2.2	Kiến thức ngành	26					
		Bắt buộc	20					
22	13.13.10	Tài chính doanh nghiệp 1	3	30	5	5	5	18
23	13.13.11	Kế toán tài chính	3	30	5	5	5	18
24	13.13.12	Nghiệp vụ ngân hàng	3	30	5	5	5	20
25	13.13.13	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	2	21	3	3	3	19
26	13.13.14	Tiếng Anh ngành	3	30	5	5	5	12
27	13.13.15	Quản trị doanh nghiệp	3	30	5	5	5	20
28	13.13.16	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	30	5	5	5	22
		Tự chọn	6/12					
29	13.13.17	Marketing căn bản	2	21	3	3	3	20
30	13.13.18	Kinh doanh quốc tế	2	21	3	3	3	22
31	13.13.19	Tiền tệ - Ngân hàng	2	21	3	3	3	16
32	13.13.20	Thuế	2	21	3	3	3	16
33	13.13.21	Tâm lý kinh doanh	2	21	3	3	3	20
34	13.13.22	Tin học ứng dụng	2	21	3	3	3	17
	8.2.3	Kiến thức chuyên ngành	29					
		Bắt buộc	21					
35	13.13.23	Tài chính doanh nghiệp 2	3	30	5	5	5	22

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Chia ra (số tiết)				ĐK tiên quyết (stt)
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	Thảo luận	
36	13.13.24	Thị trường tài chính	3	30	5	5	5	24
37	13.13.25	Tín dụng ngân hàng	3	30	5	5	5	24
38	13.13.26	Kế toán ngân hàng TM	3	30	5	5	5	24
39	13.13.27	Tài trợ dự án	3	30	5	5	5	22
40	13.13.28	Thanh toán quốc tế	3	30	5	5	5	30
41	13.13.29	Quản trị ngân hàng	3	30	5	5	5	24
		Tự chọn	8/16					
		Chuyên ngành tài chính	8/16					
42	13.13.30	Kiểm toán tài chính	2	21	3	3	3	21
43	13.13.31	Đầu tư bất động sản	2	21	3	3	3	36
44	13.13.32	Quản trị rủi ro tài chính	2	21	3	3	3	36
45	13.13.33	Bảo hiểm	2	21	3	3	3	22
46	13.13.34	Thị trường chứng khoán	2	21	3	3	3	36
47	13.13.35	Thẩm định dự án đầu tư	2	21	3	3	3	36
48	13.13.36	Tài chính quốc tế	2	21	3	3	3	39
49	13.13.37	Tài trợ xuất nhập khẩu	2	21	3	3	3	39
		Chuyên ngành ngân hàng	8/16					
49	13.13.37	Tài trợ xuất nhập khẩu	2	21	3	3	3	39
50	13.13.38	Kỹ năng đàm phán thương lượng trong kinh doanh	2	21	3	3	3	27
51	13.13.39	Thẩm định tín dụng khách hàng cá nhân, doanh nghiệp	2	21	3	3	3	39
52	13.13.40	Marketing ngân hàng	2	21	3	3	3	41
53	13.13.41	Kỹ năng bán hàng và bán chéo sản phẩm	2	21	3	3	3	41
54	13.13.42	Kỹ năng thương mại điện tử	2	21	3	3	3	41
55	13.13.43	Đào tạo sản phẩm thẻ, ATM, POS	2	21	3	3	3	41
56	13.13.44	Kinh doanh ngoại hối	2	21	3	3	3	40
	8.3	THỰC HÀNH, THỰC TẬP	16					
		Thực hành, thực tập nghề nghiệp	6					
57	13.13.45	Thực hành nghề nghiệp 1	3	10	25	5	5	HK 4
58	13.13.46	Thực tập nghề nghiệp 2	3	10	25	5	5	HK 6
	8.4	THỰC TẬP, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	10					

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Chia ra (số tiết)				ĐK tiên quyết (stt)
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	Thảo luận	
59	13.13.47	Thực tập tốt nghiệp	5	10	50	8	7	HK 7
60	13.13.48	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	5	15	15	40	5	&HK 8
		TỔNG CỘNG KIẾN THỨC TÍCH LŨY	130					
	8.5	KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY	16					
61	13.00.01	Kiến thức Giáo dục quốc phòng	8					
62	13.00.02	Kiến thức Giáo dục thể chất	4					
63	13.00.03	Kỹ năng mềm 1	2					
64	13.00.04	Kỹ năng mềm 2	2					

9. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DỰ KIẾN

TT	Học phần	Số TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	KIẾN THỨC TÍCH LŨY	130	19	21	20	20	20	18	7	5
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	34								
	<i>Lý luận chính trị</i>	10								
1	Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1	2	2							
2	Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	3		3						
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2					
4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3				3				
	<i>Khoa học xã hội</i>	5								
5	Pháp luật đại cương	2	2							
6	Xã hội học đại cương	3		3						
	<i>Khoa học tự nhiên</i>	6								
7	Toán cao cấp 1 (đại số và QHTT)	3	3							
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3						
	<i>Tin học</i>	4								
9	Tin học căn bản	4	4							
	<i>Ngoại ngữ</i>	9								
10	Tiếng Anh 1	3	3							
11	Tiếng Anh 2	3		3						
12	Tiếng Anh 3	3			3					

II	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP	80								
	Kiến thức cơ sở khối ngành, ngành	25								
13	Pháp luật kinh tế	2	2							
14	Kinh tế vi mô	3	3							
15	Kinh tế vĩ mô	3		3						
16	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3		3						
17	Kinh tế lượng	3		3						
18	Nguyên lý kế toán	3			3					
19	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			3					
20	Quản trị học	2			2					
21	Kiểm toán căn bản	3			3					
	Kiến thức ngành	26								
	Bắt buộc	20								
22	Tài chính doanh nghiệp 1	3				3				
23	Kế toán tài chính	3				3				
24	Nghiệp vụ ngân hàng	3				3				
25	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	2				2				
26	Tiếng Anh ngành	3				3				
27	Quản trị doanh nghiệp	3						3		
28	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3						3		
	Tự chọn	6/12								
29	Marketing căn bản	2				2				
30	Kinh doanh quốc tế	2				2				
31	Tiền tệ - Ngân hàng	2								
32	Thuế	2						2		
33	Tâm lý kinh doanh	2								
34	Tin học ứng dụng	2								
	Kiến thức chuyên ngành	29								
	Bắt buộc	21								
35	Tài chính doanh nghiệp 2	3						3		
36	Thị trường tài chính	3						3		
37	Tín dụng ngân hàng	3						3		
38	Kế toán ngân hàng TM	3						3		
39	Tài trợ dự án	3							3	
40	Thanh toán quốc tế	3							3	
41	Quản trị ngân hàng	3							3	
	Tự chọn	8/16								
	Chuyên ngành tài chính	8								

42	Kiểm toán tài chính	2						2		
43	Đầu tư bất động sản	2								
44	Quản trị rủi ro tài chính	2								
45	Bảo hiểm	2						2		
46	Thị trường chứng khoán	2								
47	Thẩm định dự án đầu tư	2								
48	Tài chính quốc tế	2							2	
49	Tài trợ xuất nhập khẩu	2						2		
	Chuyên ngành ngân hàng	8								
49	Tài trợ xuất nhập khẩu	2						2		
50	Kỹ năng đàm phán thương lượng trong kinh doanh	2								
51	Thẩm định tín dụng khách hàng cá nhân, doanh nghiệp	2						2		
52	Marketing ngân hàng	2						2		
53	Kỹ năng bán hàng và bán chéo sản phẩm	2								
54	Kỹ năng thương mại điện tử	2								
55	Đào tạo sản phẩm thẻ, ATM, POS	2							2	
56	Kinh doanh ngoại hối	2								
	THỰC HÀNH, THỰC TẬP	16								
	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	6								
55	Thực hành nghề nghiệp 1	3				3				
58	Thực tập nghề nghiệp 2	3						3		
	Thực tập, khoá luận tốt nghiệp	10								
59	Thực tập nghề nghiệp cuối khóa	5							5	
60	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	5								5
	KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY									
61	Kiến thức Giáo dục quốc phòng	8	Học đầu kỳ III							
62	Kiến thức Giáo dục thể chất	4	Học cuối kỳ II							
63	Kỹ năng mềm 1 – Không tích lũy	2	Học kỳ I							
64	Kỹ năng mềm 2 – Không tích lũy	2	Học kỳ VII							

X. DỰ KIẾN ĐÀO TẠO THEO TỪNG HỌC KỲ

HỌC KỲ I

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại giờ					
				(1)= Lý thuyết; (2)= Thực hành; (3)= Bài tập; (4) Thảo luận; (5)= Tự học, tự nghiên cứu.					
				1	2	3	4	5	

1	13.1.01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1	2	21	3	3	3	60
2	13.1.05	Pháp luật đại cương	2	21	3	3	3	60
3	13.1.07	Toán cao cấp	3	30	5	5	5	90
4	13.1.09	Tin học căn bản	4	40	10	5	5	120
5	13.1.10	Tiếng Anh 1	3	27	8	5	5	90
6	13.3.01	Pháp luật kinh tế	2	21	5	5	5	60
7	13.3.02	Kinh tế vi mô	3	30	5	5	5	90
Cộng			19					

HỌC KỲ II

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại giờ				
				(1)= Lý thuyết; (2)= Thực hành; (3)= Bài tập; (4) Thảo luận; (5)= Tự học, tự nghiên cứu.				
				1	2	3	4	5
1	13.1.02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	3	30	5	5	5	90
2	13.1.06	Xã hội học đại cương	3	30	5	5	5	90
3	13.1.08	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30	5	5	5	90
4	13.1.11	Tiếng Anh 2	3	27	8	5	5	90
5	13.3.03	Kinh tế vĩ mô	3	30	5	5	5	90
6	13.3.04	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	30	5	5	5	90
7	13.3.05	Kinh tế lượng	3	30	5	5	5	90
Cộng			21					

HỌC KỲ III

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại giờ				
				(1)= Lý thuyết; (2)= Thực hành; (3)= Bài tập; (4) Thảo luận; (5)= Tự học, tự nghiên cứu.				
				1	2	3	4	5
1	13.1.03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	3	3	3	60

2	13.1.12	Tiếng Anh 3	3	27	8	5	5	90
3	13.3.06	Nguyên lý kế toán	3	30	5	5	5	90
4	13.3.07	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	5	5	5	90
5	13.3.08	Quản trị học	2	21	3	3	3	60
6	13.3.09	Kiểm toán căn bản	3	30	5	5	5	90
7	13.3.17	Marketing căn bản	2	21	3	3	3	60
8	13.3.18	Kinh doanh quốc tế	2	21	3	3	3	60
		Cộng	20					

HỌC KỶ IV

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại giờ				
				(1)= Lý thuyết; (2)= Thực hành; (3)= Bài tập; (4) Thảo luận; (5)= Tự học, tự nghiên cứu.				
				1	2	3	4	5
1	13.1.04	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	3	30	5	5	5	90
2	13.3.10	Tài chính doanh nghiệp 1	3	30	5	5	5	90
3	13.3.11	Kế toán tài chính	3	30	5	5	5	90
4	13.3.12	Nghiệp vụ ngân hàng	3	30	5	5	5	90
5	13.3.13	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	2	21	3	3	3	60
6	13.3.14	Tiếng Anh chuyên ngành	3	27	8	5	5	90
7	13.3.45	Thực hành nghề nghiệp 1	3	10	25	5	5	90
		Cộng	20					

HỌC KỶ V

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại giờ				
				(1)= Lý thuyết; (2)= Thực hành; (3)= Bài tập; (4) Thảo luận; (5)= Tự học, tự nghiên cứu.				
				1	2	3	4	5
1	13.3.15	Quản trị doanh nghiệp	3	30	5	5	5	90
2	13.3.16	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	30	5	5	5	90
3	13.3.20	Thuế	2	21	3	3	3	60

4	13.3.23	Tài chính doanh nghiệp 2	3	30	5	5	5	90
5	13.3.24	Thị trường tài chính	3	30	5	5	5	90
6	13.3.25	Tín dụng ngân hàng	3	30	5	5	5	90
7	13.3.26	Kế toán ngân hàng TM	3	30	5	5	5	90
		Cộng	20					

HỌC KỶ VI

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại giờ				
				(1)= Lý thuyết; (2)= Thực hành; (3)= Bài tập; (4) Thảo luận; (5)= Tự học, tự nghiên cứu.				
				1	2	3	4	5
1	13.3.27	Tài trợ dự án	3	30	5	5	5	90
2	13.3.28	Thanh toán quốc tế	3	30	5	5	5	90
3	13.3.29	Quản trị ngân hàng	3	30	5	5	5	90
4	13.3.30/ 13.3.39	Kiểm toán tài chính/ Thẩm định tín dụng khách hàng cá nhân, DN	2	21	3	3	3	60
5	13.3.33/ 13.3.40	Bảo hiểm/ Marketing ngân hàng	2	21	3	3	3	60
5	13.3.37	Tài trợ xuất nhập khẩu	2	21	3	3	3	60
6	13.3.46	Thực tập nghề nghiệp 2	3	10	25	5	5	90
		Cộng	18					

HỌC KỶ VII

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại giờ				
				(1)= Lý thuyết; (2)= Thực hành; (3)= Bài tập; (4) Thảo luận; (5)= Tự học, tự nghiên cứu.				
				1	2	3	4	5
1	13.3.36/ 13.3.43	Tài chính quốc tế/ Đào tạo sản phẩm thẻ, ATM, POS	2	21	6	3		60
2	13.3.47	Thực tập nghề nghiệp cuối khóa	5	10	50	8	5	150
		Cộng	7					
		Kỹ năng mềm 2	2					

HỌC KỲ VIII

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại giờ				
				(1)= Lý thuyết; (2)= Thực hành; (3)= Bài tập; (4) Thảo luận; (5)= Tự học, tự nghiên cứu.				
				1	2	3	4	5
1	13.3.48	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 thi 2 học phần tương đương	5	15	15	40	5	150

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Để xây dựng chương trình chi tiết cần lưu ý:

Giờ quy đổi tính như sau :

1 tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp.

= 30 giờ thí nghiệm, thực hành.

= 45 giờ thực hiện đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

= 60 giờ thực tập tại xí nghiệp, công ty.

Số giờ của các học phần là bội số của 15.

- Để xây dựng đề cương học phần (làm căn cứ để giảng viên biên soạn giáo trình thực hiện giảng dạy) cần lưu ý:

+ Trình tự triển khai giảng dạy các học phần phải đảm bảo tính logic của việc truyền thụ và tiếp thu các mảng kiến thức. Mỗi học phần cần quy định các học phần tiên quyết và các học phần kế tiếp được thực hiện trong chương trình đào tạo.

+ Về nội dung : nội dung trong chương trình là những nội dung cốt lõi của học phần. Tùy theo từng chuyên ngành cụ thể có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một học phần nào đó. Phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng của phần tự chọn của khối kiến thức tương ứng.

+ Nội dung các học phần cần có tỷ lệ thỏa đáng giữa phần tạo nên kiến thức, phần tạo nên kỹ năng ứng dụng, phần tạo nên năng lực sáng tạo và tự học

+ Về số tiết học của học phần: ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp theo kế hoạch giảng dạy cho các học phần, nhà trường còn quy định thêm số tiết tự học để sinh viên củng cố kiến thức đã học của học phần.

+ Về yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập (nếu có) của các học phần do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu.

+ Tất cả các học phần đều phải có giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn ... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo điều kiện thực tế của trường, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ: giảng viên thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ... hoặc giảng viên nêu vấn đề tại lớp sau khi xem phim, video tại phòng máy và sinh viên về nhà viết thu hoạch. ...

XIV. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Chú trọng ứng dụng phương pháp dạy học tích cực, khai thác và ứng dụng các công nghệ hiện đại, mở rộng phạm vi tương tác giảng viên - sinh viên, giúp sinh viên thể hiện được tính chủ động và được định hướng nghề nghiệp chuyên sâu. Chú trọng cung cấp kiến thức, kỹ năng đáp ứng được nhu cầu thực tế của xã hội.

1. Hoạt động dạy và học

- Lý thuyết: do giảng viên có đủ trình độ và kinh nghiệm phụ trách, giảng đường có đầy đủ thiết bị dạy học (máy chiếu, bảng viết, micro, kết nối mạng,...).

Bài tập: Tổ chức thành các nhóm dưới 15 sinh viên, giờ bài tập là để củng cố kiến thức về học phần.

- Tăng cường số lượng và chất lượng giờ học thực hành với các trang thiết bị đủ về số lượng, chất lượng thiết bị đáp ứng yêu cầu học phần;

- Nguyên tắc chủ đạo của việc đánh giá kết quả học tập học phần phù hợp với phương thức đào tạo theo Tín chỉ là đánh giá thường xuyên kết hợp với đánh giá định kỳ;

- Bảo đảm tất cả nội dung học phần đều phải được đưa vào cần kiểm tra, đánh giá thường xuyên hoặc định kỳ;

- Tăng cường seminar, thảo luận tại lớp;

- Tăng thực tập chuyên đề, làm bài tập lớn có kiểm tra, đánh giá.

2. Tài liệu và dịch vụ hỗ trợ

Sách: mỗi học phần có tối thiểu một sách tham khảo chính và một số sách đọc thêm.

Bài giảng: bài giảng được cung cấp dưới dạng tài liệu điện tử qua website để sinh viên có thể tự truy cập và lấy tài liệu.


3. Kiểm tra giám sát dạy và học:

- Giám sát hoạt động dạy-học đối với toàn bộ khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

- Kiểm tra việc dạy đúng, dạy đủ chương trình.
- Điều tra ý kiến sinh viên về sự tương thích giữa nội dung giảng dạy trên lớp với đề cương học phần; mức độ tiếp thu của sinh viên, phương pháp giảng dạy của giảng viên.
- Việc lấy ý kiến sinh viên được thực hiện và tổng kết một cách định kỳ (cuối học kỳ) nhằm điều chỉnh cách dạy và học tốt hơn. Ngoài ra cho phép sinh viên được đề xuất, thảo luận về phương pháp dạy học đến thầy, bộ môn, Khoa trong quá trình giảng dạy nhằm điều chỉnh ngay những bất cập.

4. Kiểm tra - đánh giá

- Kết quả học tập được đánh giá bằng bài tập, các bài kiểm tra thường xuyên, bài thi giữa kỳ và bài thi cuối kỳ.
- Việc đánh giá kiểm tra kiến thức học phần sẽ được áp dụng nhiều phương pháp khác nhau, tùy thuộc vào nội dung từng học phần và trong đề cương chi tiết học phần sẽ đặc tả rõ những hình thức đánh giá kiến thức của sinh viên ngành Tài chính ngân hàng.

HIỆU TRƯỞNG

NGND. PGS.TS. Tô Ngọc Hưng

